

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ KT **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH KT

Bản án số: 156/2024/HS-ST.

Ngày: 03/12/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KT, TỈNH KT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hoài;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông A Ừm và bà Nguyễn Thị Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc TH1 – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kt tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kt xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 132/2024/TLST-HS ngày 25-10-2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2024/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn T P, sinh năm 1989 tại Qn; Nơi ĐKKHKT: Thôn 4, xã Đăk Mar, huyện Đ, tỉnh Kt; Nơi ở hiện tại: 135 Tôn Đức Thắng, phường NgM, thành phố Kt, tỉnh Kt; nghề nghiệp: Không; học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn T C (sinh năm 1947) và bà Nguyễn Th C, sinh năm: 1949); Gia đình có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ 05 trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 12/5/2022 bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Kt xử phạt 16 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong án phạt tù ngày 23/4/2023, chưa được xóa án tích.

Nhân thân:

+ Ngày 05/6/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Đ, xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Ngày 09/11/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Đ, xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tổng hợp hình phạt của Bản án nêu trên, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 17 tháng 15 ngày tù (đã được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/05/2024 đến nay, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Y H1, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn Plei Rơ Wăk, xã Đ N, thành phố Kt, tỉnh Kt, có mặt.

2. Bà Trịnh T h, sinh năm 1975; địa chỉ: Số 300 Ông Ích Khiêm, thành phố Kt, tỉnh Kt, vắng mặt.

3. Anh Lê ĐL, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 306/31 Trần Nhân Tông, phường Quang Trung, thành phố Kt, tỉnh Kt, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 00 ngày 13/05/2024, Phòng Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Kt tiến hành kiểm tra hành chính nơi ở của bị cáo Nguyễn T P (thuê nhà của bà Trịnh Thị Hòa) tại số nhà 135 Tôn Đức Thắng, phường NgM, thành phố Kt, tỉnh Kt. Tại thời điểm kiểm tra có mặt bị cáo PH1, anh Trịnh Đăng Huynh, anh Lê ĐL và chị Y H1. Công an phát hiện lập biên bản phạm tội quả tang và thu giữ các đồ vật, tài sản:

Thu của bị cáo PH1:

- 01 bì ni lông trong suốt viền màu xanh, bên trong có chất tinh thể màu trắng, nghi là ma túy;

- 01 bì ni lông trong suốt hàn kín, bên trong có chất tinh thể màu trắng, nghi là ma túy, được bỏ trong 01 bì ni lông trong suốt hàn kín, cất giấu trong 01 hũ nhựa màu xanh, nắp màu vàng;

- 01 bì ni lông trong suốt bên trong có chất cục bột màu trắng, nghi là ma túy, được bỏ trong 01 tờ giấy trắng vo lại, cất giấu trong 01 khẩu trang y tế màu trắng;

- 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy, gồm: 01 chai nhựa nắp màu trắng được đục hai lỗ, 01 ống thủy tinh trong suốt có bầu hở bên trong có chất tinh thể màu xám, 01 ống hút nhựa màu đen, 01 ống hút nhựa màu trắng đen;

- 01 cân tiểu ly màu xám bạc;

- 01 điện thoại di động cảm ứng màu xanh đen, mặt sau có chữ Sam Sung.

Thu của chị Y H1: 01 ví màu đen và 01 điện thoại di động cảm ứng màu xanh đen, mặt sau có chữ Realme;

Bị cáo PH1 khai nhận:

Các chất tinh thể màu trắng và chất cục bột màu trắng có trong 03 bì ni lông và trong ống thủy tinh bị thu nêu trên là 03 loại chất ma túy khác nhau của bị cáo PH1 mua của một người tên Vinh không rõ nhân thân lai lịch, tại khu vực ngã ba Trung Tín, Tổ 2, phường NgM, thành phố Kt với giá 1.500.000 đồng, trong đó giá mua từng loại ma túy như sau: Ma túy đá 1.000.000 đồng, ma túy loại Khay 300.000 đồng, ma túy Heroine 200.000 đồng. Tất cả các chất ma túy này PH1 cất giấu tại nhà thuê 135 Tôn Đức Thắng, để sử dụng.

Chất tinh thể màu xám có trong bầu hở của ống thủy tinh là ma túy đá, bị cáo lấy từ trong số ma túy đá mua 1.000.000 đồng nêu trên để sử dụng chưa hết nên còn lại.

01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy và 01 cân tiểu ly màu xám bạc, bị cáo dùng vào việc sử dụng và phân chia ma túy; 01 điện thoại di động cảm ứng Sam Sung, bị cáo không dùng vào việc liên lạc với Vinh để mua ma túy.

Anh Trịnh Đăng Huynh, anh Lê ĐL và chị Y H1 là bạn đến nơi ở của bị cáo chơi, họ không biết bị cáo tàng trữ và sử dụng ma túy. Anh Huynh, anh Lợi và chị Y H1 cũng thừa nhận nội dung này.

Kết quả xét nghiệm ma túy trong cơ thể: Bị cáo PH1 và anh Huynh đều dương tính với ma túy Methamphetamine và Amphetamine.

Kết luận giám định về ma túy, kết luận:

- Chất tinh thể màu xám trong ống thủy tinh là ma túy Methamphetamine, khối lượng 0,244 gam (sau giám định còn: 0,238 gam).

- Chất tinh thể màu trắng trong bì ni lông cất giấu trong hũ nhựa màu xanh là ma túy, Methamphetamine, khối lượng 3,037 gam (sau giám định còn: 3,025 gam).

- Chất tinh thể màu trắng trong bì ni lông cất giấu trong ví của H1 là ma túy Ketamine, khối lượng 0,909 gam (sau giám định còn: 0,903 gam).

- Chất cục bột màu trắng trong bì ni lông cất giấu trong khẩu trang y tế là ma túy Heroine (tên khoa học: Diacetylmorphine), khối lượng: 0,089 gam (sau giám định còn: 0,080 gam).

Tại Cáo trạng số: 147/CT-VKSTPKT ngày 24 tháng 10 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kt truy tố bị cáo PH1 về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự 2015 (BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 BLHS. Xử phạt bị cáo PH1 từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo. Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định và buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Lời nói sau cùng: Bị cáo nhận tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Kt, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kt, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về nội dung:

[1] *Xét hành vi bị truy tố*: Khoảng 21 giờ 00 ngày 13/5/2024, tại số nhà 135 Tôn Đức Thắng, phường NgM, thành phố Kt, tỉnh Kt, bị cáo Nguyễn T P đã thực hiện hành vi tàng trữ trái phép các chất ma túy, gồm: Methamphetamine 3,281gam, Ketamine 0,909gam, Heroine 0,089gam, mục đích sử dụng. Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ đúng luật.

[2] *Xét tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo*: Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của hai bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm Luật phòng chống ma túy, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước, xâm phạm an toàn công cộng và trật tự công cộng, là nguyên nhân gây ra các tệ nạn và tội phạm. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, biết rõ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn thực hiện.

[3] *Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân*:

Bị cáo thành khẩn khai báo và mẹ đẻ bị cáo được tặng Huân chương chiến hạng nhất, nên bị cáo được hưởng tiết giảm nhẹ điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo đã bị kết án chưa được xóa án tích, nên phải chịu tình tiết tăng nặng “Tái phạm” điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS.

- *Nhân thân*: Bị cáo có nhân thân không tốt, đã nhiều lần bị kết án về các tội trộm cắp tài sản, tàng trữ trái phép chất ma túy.

[4] Sau khi xem xét tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội; xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo; xét thực trạng tội phạm về ma túy trên địa bàn thành phố Kt hiện nay. Cần xử phạt nghiêm minh, cách ly bị cáo với đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[5] *Hình phạt bổ sung*: Bị cáo không nghề nghiệp, không có tài sản, không có điều kiện chấp hành hình phạt bổ sung, nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] *Xử lý vật chứng*:

- Các chất ma túy còn lại sau giám định: Methamphetamine 3,263 gam, Ketamine 0,903 gam, Heroine 0,080 gam; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy, gồm: 04 bì ni long, 01 chai nhựa, 01 ống thủy tinh, 02 ống hút nhựa, 01 cân tiểu ly, 01 hũ nhựa và 01 khẩu trang y tế. Các vật chứng này đều là chất cấm tàng trữ, cấm lưu hành, là công cụ phạm tội không còn giá trị sử dụng. Căn cứ khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS; điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS, tịch thu tiêu hủy.

- PH1 sử dụng làm công cụ phạm tội dùng liên lạc mua ma túy. Căn cứ khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- 01 điện thoại di động cảm ứng Sam Sung của bị cáo và 01 điện thoại di động cảm ứng Realme của chị Y H1 đều không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo; 01 ví da màu đen của chị Y H1, chị Y H1 không biết bị cáo bỏ ma túy vào ví nên chị không có lỗi. Căn cứ Điều 106 BLTTHS trả lại các tài sản này cho bị cáo và chị Y H1.

[7] *Về án phí*: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[8] *Các vấn đề khác*:

- Cơ quan CSĐT Quyết định xử phạt hành chính Trịnh Đăng Huỳnh về hành vi sử dụng trái phép ma túy là đúng luật.

- Bà Hòa không biết bị cáo cất giấu ma túy trong nhà thuê nên không có lỗi.

- Bị cáo PH1 khai mua ma túy của người tên Vinh. Cơ quan điều tra đã điều tra xác minh nhưng không xác định được nhân thân lai lịch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn T P phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. Hình phạt: Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn T P: 04 (Bốn) năm 06 (sáu) tháng tù**, thời hạn chấp hành hình phạt kể từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (**13/05/2024**).

3. Xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015. Các vật chứng được xử lý như sau:

3.1. Tịch thu tiêu hủy đối với:

- Các chất ma túy còn lại sau giám định: Methamphetamine 3,263 gam, Ketamine 0,903 gam, Heroine 0,080 gam được đựng trong 04 (bốn) bì ni long; 03 (ba) bì ni lông trong suốt; 01 (một) bì ni lông trong suốt, có viền màu xanh; 01 (một) chai nhựa trong suốt, viền màu đen, có nắp màu trắng được đục hai lỗ; 01 (một) ống thủy tinh trong suốt có bầu hờ; 01 (một) ống nhựa màu đen; 01 (một) ống hút màu trắng đen trong suốt được cuốn băng keo màu đen; 04 (bốn) phong bì đựng mẫu vật để giám định (Tất cả được niêm phong trong 01 hộp giấy).

- **01 (một) hũ nhựa màu xanh, nắp đáy màu vàng;**

- **01 (một) cân tiểu ly màu xám bạc đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng.**

- **01 (một) khẩu trang màu trắng, bên trong có 01 (một) tờ giấy màu trắng, được vo lại.**

3.2. Trả lại các tài sản cho các chủ sở hữu, gồm:

- Trả lại cho chị Y H1: **01 (Một) ví màu đen đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng; 01 (một) điện thoại di động dạng cảm ứng màu xanh đen, mặt sau có chữ “Realme” đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng, ký hiệu “ĐT H1” (được niêm phong).**

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn T P: **01 (một) điện thoại di động dạng cảm ứng màu xanh đen, mặt sau có chữ “Sam Sung” đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng, ký hiệu “ĐT PH1” (được niêm phong).**

Các vật chứng nêu trên có đặc điểm như trong Biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/11/2024 giữa Cơ quan CSĐT Công an thành phố Kt với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kt.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn T P phải chịu **200.000 (Hai trăm nghìn)** đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (03/12/2024). Người liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kt;
- VKSND tỉnh Kt;
- VKSND Tp. Kt;
- Sở tư pháp tỉnh Kt;
- Cơ quan CSĐT Công an Tp. Kt;
- Chi cục THADS Tp. Kt;
- Những người tham gia tố tụng;
- L- u HS.

Nguyễn Xuân Hoài

